TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 72/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 14 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 118/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* giữa:

- Nguyên đơn: Ông N , sinh năm 1989; Địa chỉ: Làng K, xã C, tỉnh G

CCCD số 064089000191 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 24/3/2021.

- Bị đơn: Bà S , sinh năm 1992; Địa chỉ: Làng K, xã C, tỉnh G

CCCD số 064192009826 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 27/12/2021.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông N và bà S . *(Giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 01 do UBND xã Ia Kly, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai cấp ngày 27/3/2014).*

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung và trách nhiệm nuôi dưỡng: Ông N và bà S công nhận có 03 con chung là Kpă Phiên, sinh ngày 10/4/2013; Kpă H'Phức, sinh ngày 20/3/2017 và Kpă Pháp, sinh ngày 29/12/2018.

Theo nguyện vọng của con chung cũng như sự thỏa thuận giữa ông N và bà S : Khi ly hôn, bà S trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Kpă Phiên, sinh ngày 10/4/2013; Kpă H'Phức, sinh ngày 20/3/2017 và Kpă Pháp, sinh ngày 29/12/2018 cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Việc thay đổi hoặc chấm dứt việc trực tiếp nuôi con chung thực hiện khi có căn cứ làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông N và bà S tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), Ông N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002637 ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Trả lại cho Ông N 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 8- Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Chư Prông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Việt Anh